

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/KDTM - PT.

Ngày: 21/5/2020

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

*Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh
Bà Ngô Tuyết Bằng*

Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên tòa : Bà Dương thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông Nguyễn Trần Thắng - KSV

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 , tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2020/TLPT - KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 43/2019/ KDTM – ST, ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận ĐĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/QĐPT – KDTM ngày 28 tháng 2 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 109/QĐ- PT ngày 20/3/2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần SG (viết tắt SG)

Trụ sở : 266-268 N, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Xuân H - Giám đốc chi nhánh , Bà Vũ Ngọc A - Phó Giám đốc chi nhánh ĐĐ .

Bị đơn: Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp GBE (viết tắt Công ty GBE)

Trụ sở : Số 4 ngõ 278 phố TS , phường TL , quận ĐĐ , Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức T , Giám đốc Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1-Cụ Đoàn Thị Th , sinh năm 1935;

2-Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957;

3-Bà Nguyễn Thị Minh H , sinh năm 1963;

4-Chị Nguyễn Thị Ngọc H , sinh năm 1983;

5- Anh Nguyễn Anh Gi , sinh năm 1985

6- Cháu Phan Ngọc M , sinh năm 2011 (do chị Hậu là mẹ đại diện);

7-Ông Nguyễn Anh D , sinh năm 1966;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông D : Ông Nguyễn Hoà B – sinh năm 1953.Theo Giấy uỷ quyền ngày 19/5/2020.

8-Bà Dương Thị H , sinh năm 1969;

9- Anh Nguyễn Đức H , sinh năm 1996;

10- Chị Nguyễn Phương L , sinh năm 2003 (do chị H là mẹ đại diện)

11-Ông Nguyễn Đức T , sinh năm 1972;

12-Bà Nguyễn Ánh N, sinh năm 1978;

Cùng ĐKKHTT: số 2 ngõ 73 phố KT , phường KT , quận TX , Hà Nội.

Bà Ngọc Anh, cụ Th , ông B, ông T1 , bà H , bà H, chị H, anh Gi có mặt. Anh H, chị L có Đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T, chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo Đơn khởi kiện và các lời khai SG trình bày nội dung vụ án như sau :*
Ngày 24-6-2014, SG và Công ty GBE ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số LD1519400140 với nội dung Công ty GBE vay số tiền 1.919.000.000 đồng; lãi suất 9,5%/năm, thời hạn hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 13/7/2016; mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán tiền hàng; số tiền vay thể hiện trong các giấy nhận nợ như sau:

Giấy nhận nợ số 2: số tiền vay 1.107.295.200 đồng, từ ngày 20-10-2015 đến hạn trả nợ ngày 20-02-2016;

Giấy nhận nợ số 3: số tiền vay 224.570.000 đồng, từ ngày 11-01-2016 đến hạn trả nợ ngày 11-5-2016;

Giấy nhận nợ số 4: số tiền vay 259.169.120 đồng, từ ngày 19-01-2016 đến hạn trả nợ ngày 19-5-2016;

Nghĩa vụ thanh toán bảo đảm bằng tài sản thế chấp mang tên ông Nguyễn Đức T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số công chứng 167/2007/HĐTC, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 29-12-2007 tại Phòng công chứng số 4, Thành phố Hà Nội và các hợp đồng sửa đổi bổ sung là: quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số: 5G-I-04, diện tích 58,2 m², tại địa chỉ: Số 2 ngõ 73 phố KT , phường KT , quận TX , Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 564598, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 128.2005/436/QĐ-UB do UBND quận TX , Hà Nội cấp ngày 21-4-2005 cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Đoàn Thị Th , đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Đức T ngày 29-12-2007. Tài sản thế chấp đã được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận TX , Hà Nội ngày 31-12-2007.

Trong quá trình vay, Công ty GBE đã thanh toán cho SG số tiền gốc 3.100.000 đồng và lãi 35.064.348 đồng. Tính đến ngày 16-5-2018 thì Công ty GBE còn nợ Ngân hàng theo cả 03 giấy nhận nợ là: nợ gốc 1.587.934.320 đồng; lãi chuyển quá hạn 22.458.930 đồng; lãi quá hạn phát sinh 335.730.779 đồng; lãi phạt 167.865.396 đồng; theo thông báo số 104 và 301 ngày 10-4-2017 và ngày 05-9-2017 về việc thu hồi nợ quá hạn của SG gửi cho Công ty GBE .

Mặc dù SG đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với đại diện Công ty GBE , yêu cầu khách hàng có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời SG cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ. Tuy nhiên Công ty GBE vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký. SG khởi kiện Công ty GBE yêu cầu: Công ty GBE phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 2.113.989.425 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.587.934.320 đồng, lãi quá hạn, lãi phạt: 526.055.105 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ tiền nợ.

Trong trường hợp Công ty GBE không trả được nợ, thì SG đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự quận ĐĐ xử lý tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật, đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 113, Tờ bản đồ số: 5G-I-04, Diện tích: 58,2 m², tại địa chỉ: Số 2 ngõ 73 phố KT , phường KT , quận TX , Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 564598, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 128.2005/436/QĐ-UB do UBND quận TX , Thành phố Hà Nội cấp ngày 21-4-2005 cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Đoàn Thị Th , đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Đức T ngày 29-12-2007, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba ngày 29-12-2007 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung 6 lần.

Tại phiên toà sơ thẩm SG yêu cầu Công ty GBE phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 2.113.989.425 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.587.934.320 đồng, lãi trong hạn, lãi quá

hạn đến ngày 26/2/2019 và tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ tiền nợ.

Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp GBE không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh: Số 4 ngõ 278 phố TS , phường TL , quận DD , Thành phố Hà Nội và ông Nguyễn Đức T là đại diện theo pháp luật vắng mặt nơi cư trú.

Ông Nguyễn Anh D trình bày: đề nghị Ngân hàng xem xét hoàn cảnh gia đình, cho thêm thời hạn thanh toán để bên vay có tiền trả nợ.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 43/2019/ KDTM – ST, ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận DD đã quyết định như sau :

1- Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG đối với Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp thiết bị điện tử;

Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp GBE phải trả toàn bộ tiền gốc và lãi là 2.196.299.368 đồng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, trong đó: tiền gốc là 1.587.934.320 đồng, lãi trong hạn 22.458.930 đồng, và lãi quá hạn tính đến ngày 26-2-2019 là 685.906.118 đồng;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp GBE còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp GBE chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên thì Ngân hàng TMCP SG yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo quy định pháp luật là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền thửa đất số 113, tờ bản đồ số: 5G-I-04, diện tích: 58,2 m², tại địa chỉ: Số 2 ngõ 73 phố KT , phường KT , quận TX , Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 564598, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 128.2005/436/QĐ-UB do UBND quận TX , Thành phố Hà Nội cấp ngày 21-4-2005 cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Đoàn Thị Th , đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Đức T ngày 29-12-2007.

2- Về án phí: Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp GBE phải nộp 75.926.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử , ông Nguyễn Anh D kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

- SG giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án giữ nguyên bản án sơ thẩm .

- Ông Nguyễn Hoà B trình bày : Ông Nguyễn Anh D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Toà án huỷ bản án sơ thẩm vì những lý do sau: Ngày 26/9/2019 ông Nguyễn Anh D đã có đơn xin hoãn phiên tòa để có thời gian cung cấp chứng cứ và hoà giải với Ngân hàng nhưng Toà sơ thẩm vẫn xét xử vắng mặt là vi phạm. Khi ký Hợp đồng tặng cho nhà đất năm 2007 cụ Đ không còn minh mẫn , không đủ năng lực hành vi, nên Hợp đồng là trái luật.

- Cụ Đoàn Thị Th , Ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Minh H , chị Nguyễn Thị Ngọc H , anh Nguyễn Anh Gi ,bà Dương Thị H thống nhất trình bày: Nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Anh D , đề nghị Toà án bảo vệ quyền lợi về chỗ ăn ở của các thành viên trong gia đình.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của ông D trong thời hạn Luật định. Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông D cho rằng cụ Đ không minh mẫn khi ký kết Hợp đồng tặng cho, tuy nhiên ngoài Biên bản Hội đồng giám định y khoa ngày 7/8/1970 thể hiện : Bệnh dị ứng toàn thân và đau mắt cá chân thì ông D không có tài liệu chứng cứ của cơ quan có thẩm quyền thể hiện cụ Đ không minh mẫn và mất năng lực hành vi, nên kháng cáo của ông D không được chấp nhận. Căn cứ Văn bản trả lời của Phòng công chứng số 4 thể hiện Hợp đồng tặng cho là đúng pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Hợp đồng thể chấp được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có công chứng , được đăng ký giao dịch đảm bảo và phù hợp pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Do vậy không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Anh D , đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- **Về thủ tục tố tụng** : Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Anh D trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Toà án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tại phiên toà ngày 26/8/2019 ông Nguyễn Anh D , ông Nguyễn Văn T1 đều tham gia phiên toà và đều biết thời gian mở lại phiên toà vào ngày 26/9/2019, nhưng ngày 24/9/2019 ông Dững có đơn xin hoãn phiên toà vì lý do xin có thời gian bổ sung tài liệu chứng cứ, và đàm phán với Ngân hàng để tháo gỡ khoản vay. Thấy rằng lý do xin hoãn phiên toà của ông D là không chính đáng, không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng , hoặc trở ngại khách quan được quy định tại khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên toà của ông D là có căn cứ. Hơn nữa ngoài ông D còn nhiều người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác ví dụ như ông T1 cũng không đến Toà, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án gây khó khăn cho Toà án với mục đích kéo dài thời gian giải quyết vụ án, do vậy yêu cầu kháng cáo về việc hoãn phiên toà của anh Dững là không có căn cứ để chấp nhận.

- **Về nội dung** :

- Về Hợp đồng tín dụng : Các đương sự không kháng cáo nên không xét.

- Về nguồn gốc nhà đất, Hợp đồng thế chấp:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự , các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện : ngày 21-4-2005 UBND quận TX , Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 564598, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 128.2005/436/QĐ-UB đối với thửa đất số 113, tờ bản đồ số: 5G-I-04, diện tích: 58,2 m2, tại địa chỉ: Số 2 ngõ 73 phố KT , phường KT , quận TX , Thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất cho cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Đoàn Thị Th . Ngày 27/12/2007, cụ Nguyễn Văn Đ , cụ Đoàn Thị Th ký Hợp đồng tặng cho nhà và quyền sử dụng đất số công chứng 457.2007/HĐCN Quyền 01/TPCC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 4 Thành phố Hà Nội với nội dung tặng cho toàn bộ nhà đất số 2 ngõ 73 phố KT , phường KT , quận TX , Thành phố Hà Nội cho con trai là ông Nguyễn Đức T , ngày 29/12/2007 Phòng tài nguyên và môi trường quận TX đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Đức T .

Tại đơn kháng cáo ông Nguyễn Anh D cho rằng tại thời điểm ngày 27/12/2007 cụ Đa đã 80 tuổi không còn minh mẫn nên việc cụ Đ ký Hợp đồng tặng cho nêu trên là

trái pháp luật nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu của SG về việc xử lý tài sản thế chấp. Phòng công chứng số 4 Thành phố Hà Nội đã có công văn số 08/CV-CC4 trả lời cho Tòa án với nội dung : “ *Chủ thể tham gia giao dịch : Bên tặng cho là cụ ông Nguyễn Văn Đ và cụ bà Đoàn Thị Th . Về trình tự thủ tục công chứng : Các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện khi ký kết Hợp đồng tặng cho không bị đe dọa , cưỡng ép. Các bên đều có năng lực hành vi theo quy định của Pháp luật. Cụ ông Nguyễn Văn Đ tuy tuổi đã cao, song hoàn toàn minh mẫn khi giao kết hợp đồng. Do già yếu không tự tay ký được nên Công chứng viên đã điểm chỉ ngón trỏ phải của cụ Đ vào Hợp đồng trước sự chứng kiến của các bên, phù hợp với Khoản 2 điều 41 Luật công chứng . Kết luận : Hợp đồng tặng cho nhà và quyền sử dụng đất số 457.2007.HĐCN Quyển 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/12/2007 do Công chứng viên Phòng công chứng số 4 Hà Nội chứng nhận là đúng quy định của pháp luật*”. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên đầy đủ cơ sở xác định cụ Đ , cụ Th có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự khi ký kết Hợp đồng tặng cho, Hợp đồng tặng cho được công chứng theo đúng quy định tại điều 465,467 Bộ luật dân sự năm 2005 nay là 457,459 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực. Thấy rằng ông D không có chứng cứ chứng minh trực tiếp việc cụ Đ không minh mẫn khi ký Hợp đồng tặng cho nên không có căn cứ để chấp nhận. Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Đoàn Thị Th có 5 người con trong đó có các ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Anh D , Nguyễn Đức T là con trai và đều là thành viên của Công ty GBE , cụ thể : ông Nguyễn Đức T – Giám đốc Công ty GBE , ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Anh D – Phó Giám đốc Công ty GBE . Tại Hợp đồng thế chấp ngày 29/12/2007 ông Nguyễn Anh D – Phó Giám đốc Công ty GBE ký Hợp đồng với vai trò Bên thế chấp, ông Nguyễn Đức T – Giám đốc Công ty GBE với vai trò Bên vay. Tại các Giấy nhận nợ với SG , Lệnh chuyển tiền ngày 19/1/2016,20/10/2015 ông Nguyễn Văn T1 ký với vai trò Phó Giám đốc Công ty GBE với mục đích Công ty GBE trả tiền hàng. Căn cứ vào các tài liệu trên thể hiện ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Anh D đều biết khoản nợ và trực tiếp tham gia vào quá trình vay nợ của Công ty GBE đối với SG , biết việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 564598, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 128.2005/436/QĐ-UB đối với thửa đất số 113, tờ bản đồ số: 5G-I-04, diện tích: 58,2 m2, tại địa chỉ: Số 2 ngõ 73 phố KT , phường KT , quận TX , Thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký sang tên ông Nguyễn Đức T và được thế chấp cho SG nhằm đảm bảo cho khoản vay của Công ty GBE .

Thấy rằng, ngày 29/12/2007, SG , Công ty GBE , ông Nguyễn Đức T ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số công chứng 167/2007/HĐTC, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ký tại Phòng công chứng số 4, Thành phố Hà Nội và 06 Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp với nội dung : ông Nguyễn Đức T thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số: 5G-I-04, diện tích 58,2 m², tại địa chỉ: Số 2 ngõ 73 phố KT , phường KT , quận TX , Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 564598, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 128.2005/436/QĐ-UB do UBND quận TX , Hà Nội cấp ngày 21-4-2005 cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Đoàn Thị Th , đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Đức T ngày 29-12-2007, đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận TX , Hà Nội số 906 ngày 31-12-2007 là hoàn toàn phù hợp với pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của SG về việc nếu Công ty GBE không trả nợ thì SG có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D về việc không đồng ý xử lý tài sản thế chấp, căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm, bổ sung điều luật áp dụng.

- Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho Công ty GBE , ông Nguyễn Đức T , bà Nguyễn Ánh N, nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về án phí phúc thẩm : Ông Nguyễn Anh D phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ các điều 16,17,19, 40, khoản 1 Điều 299, khoản 7 Điều 323, 457, 459 ,463,466,468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 3 điều 296 , khoản 1 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ khoản 2 điều 26, Khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Anh D .

Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 43/2019/ KDTM – ST, ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận ĐĐ và quyết định như sau

Xử: 1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG đối với Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp thiết bị điện tử;

Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp GBE phải trả toàn bộ tiền gốc và lãi là 2.196.299.368 đồng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, trong đó: tiền gốc là 1.587.934.320 đồng, lãi trong hạn 22.458.930 đồng, và lãi quá hạn tính đến ngày 26-2-2019 là 685.906.118 đồng;

Kể từ ngày 27/2/2019, Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp GBE còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty CP kinh doanh tổng hợp GBE không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên thì Ngân hàng TMCP SG yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo quy định pháp luật là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền thửa đất số 113, tờ bản đồ số: 5G-I-04, diện tích: 58,2 m2, tại địa chỉ: Số 2 ngõ 73 phố KT, phường KT, quận TX, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 564598, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 128.2005/436/QĐ-UB do UBND quận TX, Thành phố Hà Nội cấp ngày 21-4-2005 cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Đoàn Thị Th, đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Đức T số 547 ngày 29-12-2007 để thu hồi nợ.

2- Về án phí: Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp GBE phải nộp 75.926.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ông Nguyễn Anh D phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai số 9509 ngày 27/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Trả lại Ngân hàng TMCP SG số tiền 37.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai số 0008036 ngày 10-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận ĐĐ, thành phố Hà Nội).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 21/5/2020.

Nơi nhận:

- TAND Quận ĐĐ .
- VKSND TP Hà nội .
- Dương sự.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh